

SỞ XÂY DỰNG NAM ĐỊNH

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Số 70 Lê Quý Đôn - Nam Định Tel: 0228.3636496

THUYẾT MINH
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ XUÂN BẮC
ĐẾN NĂM 2030

SỞ XÂY DỰNG NAM ĐỊNH
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Số 70 Lê Quý Đôn - Nam Định Tel: 0228.3636496

THUYẾT MINH
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ XUÂN BẮC
ĐẾN NĂM 2030

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN BẮC

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
TỈNH NAM ĐỊNH

THUYẾT MINH
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ XUÂN BẮC
ĐẾN NĂM 2030

Chỉ đạo thực hiện:

Viện trưởng. Ths.KTS. Đặng Mạnh Cường

Chủ nhiệm đồ án:

Ths. KTS. Nguyễn Thị Thu Trang

Cán bộ thiết kế:

Ths. KTS. Nguyễn Thị Thu Trang

KS. Đỗ Mạnh Cường

KS. Nguyễn Thị Huyền Trang

KS. Nguyễn Vũ Thanh

Quản lý kỹ thuật

KTS. Đỗ Duy Phương

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ XUÂN BẮC

ĐẾN NĂM 2030

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết phải lập Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc và các cơ sở pháp lý

1. Lý do và sự cần thiết phải lập Quy hoạch

Thực hiện chủ trương của Chính Phủ tại Thông báo số 1274/TB-VPCP ngày 03/09/2009 về việc xây dựng nông thôn mới trong toàn quốc. Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Nam Định đã chỉ đạo các huyện triển khai lập Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trong toàn tỉnh.

Xã Xuân Bắc nằm ở phía Đông Nam của huyện Xuân Trường, có tổng diện tích theo ranh giới hành chính là 318,1 ha, là một trong những xã của huyện Xuân Trường đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới từ năm 2011.

Đến nay, trong quá trình thực hiện quy hoạch xuất hiện nhiều bất cập, hạn chế trong việc triển khai thực hiện như việc quy hoạch các điểm dân cư hình thành còn phân tán lộn xộn, chưa tập trung, mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tại địa phương có nhiều thay đổi so với quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã có những thay đổi về chính sách, chủ trương, các quy hoạch cấp trên đã phê duyệt như Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; Văn bản số 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của Bộ công an về việc Quy hoạch, bố trí quy đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn..... Các chính sách, chủ trương này làm thay đổi các dự báo của quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, theo Luật Quy hoạch và Luật Xây dựng, thời kỳ quy hoạch đối với đồ án thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là 10 năm, đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Xuân Bắc lập và phê duyệt năm 2011 đã hết kỳ quy hoạch, các dự báo, định hướng cho địa phương đến năm 2020 đã không còn phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu phát triển của xã trong tương lai.

Để đảm bảo đưa ra các dự báo, định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế, khai thác các nguồn lực tại địa phương, triển khai hiệu quả các chủ trương chính sách của Tỉnh và huyện trong giai đoạn tiếp theo, thì việc lập Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc đến năm 2030 là hết sức cần thiết.

2. Các cơ sở pháp lý

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;
- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- TCVN 4454:2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuân Trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Nam Định v/v Quy định một số tiêu chí xã nông thôn mới thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5356/2011/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến xã Xuân Bắc đến năm 2020;

- Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

- Văn bản số 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của Bộ công an về việc Quy hoạch, bố trí quy đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc;

- Văn bản số 574/UBND-VP5 ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định v/v tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

- Thông báo số 230/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc đến năm 2030;

- Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc đến năm 2030;

- Các báo cáo về phát triển kinh tế xã hội của xã Xuân Bắc;

- Các dự án có ảnh hưởng lớn tới địa giới hành chính, ảnh hưởng đến cơ cấu ngành nghề trong phát triển kinh tế xã Xuân Bắc.

II. Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch

1. Mục tiêu:

- Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc phục vụ cho sự phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới của huyện cũng như của tỉnh Nam Định.

- Nhằm sử dụng đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

- Để các cấp các ngành trong Tỉnh, huyện, xã triển khai từng bước, đồng bộ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định.

- Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng, các dự án đầu tư xây dựng để điều hành và quản lý xây dựng trong quá trình thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

2. Nhiệm vụ Quy hoạch:

- Rà soát, đánh giá thực trạng phát triển trên địa bàn xã, công tác thực hiện quy hoạch theo các đồ án quy hoạch, dự án có liên quan tại khu vực.

- Dự báo quy mô dân số trên địa bàn xã, Quy hoạch không gian, sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp xã và cấp thôn xóm.

- Quy hoạch các vùng sản xuất, quy mô đất phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng công trình phục vụ sản xuất.

- Xác định các dự án ưu tiên đầu tư

III. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

1. Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch:

Phạm vi và ranh giới nghiên cứu lập Quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của xã, với tổng diện tích xác định theo niên giám thống kê huyện hiện nay là 318,1 ha.

- Giới hạn:

- + Phía Bắc giáp xã Xuân Thủy, xã Xuân Phong;

- + Phía Nam giáp xã Xuân Trung và Thị trấn Xuân Trường;

- + Phía Đông giáp xã Xuân Phương;

- + Phía Tây giáp xã Xuân Ngọc.

2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô dân số hiện trạng là: **5.940 người.**

- **Quy mô ranh giới quy hoạch là: 318,1 ha.**

PHẦN I

TỔNG QUAN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ XUÂN BẮC

I. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Địa hình:

Là xã thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, địa hình tự nhiên tương đối bằng phẳng, nghiêng và thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

1.2. Khí hậu:

Xuân Bắc mang đầy đủ những đặc điểm khí hậu của khu vực nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, có 4 mùa rõ rệt: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

- Nhiệt độ: Trung bình năm khoảng 23°C - 24°C . Mùa đông nhiệt độ trung bình là $18,9^{\circ}\text{C}$, các tháng lạnh nhất là các tháng 1 và 2. Mùa hạ, nhiệt độ trung bình là 27°C , tháng nóng nhất là tháng 7 với nhiệt độ trung bình là $29,4^{\circ}\text{C}$.

- Độ ẩm: Tương đối cao, trung bình năm khoảng 80 - 85%, tháng có độ ẩm cao nhất (90%) là tháng 2, tháng có độ ẩm thấp nhất (81%) là tháng 11.

- Nắng: Hàng năm trung bình có tới 250 ngày nắng, tổng số giờ nắng hàng năm khoảng từ 1.650 - 1.700 giờ. Mùa hạ có số giờ nắng cao khoảng 1.100 - 1.200 giờ, chiếm khoảng 70% số giờ nắng trong năm.

- Mưa: Tổng lượng mưa trung bình cả năm là 1700 - 1800 mm. Lượng mưa phân bố không đều theo mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm; các tháng mưa nhiều là các tháng 7, 8, 9. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chiếm khoảng 20% lượng mưa cả năm. Các tháng ít mưa nhất là tháng 12, 1, 2; có tháng hầu như không có mưa.

- Hướng gió: Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa, tốc độ gió trung bình cả năm khoảng 2 - 2,3 m/s. Mùa đông hướng gió thịnh hành là gió Đông Bắc với tần suất 60 - 70%, tốc độ gió trung bình 2,4 - 2,6 m/s, những tháng cuối mùa đông gió có xu hướng chuyển dần về phía Đông. Mùa hè hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam, với tần suất 50 - 70%, tốc độ gió trung bình 1,9 - 2,2 m/s, đầu mùa hạ thường xuất hiện các đợt gió Tây khô, nóng.

- Bão: Hàng năm thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân 4 - 6 cơn bão/năm.

Nhìn chung khí hậu thuận lợi cho môi trường sống của con người và sự phát triển của hệ sinh thái động, thực vật; khí hậu mùa đông cho phép phát triển nhiều loại rau màu có giá trị kinh tế cao.

1.3. Địa chất thủy văn:

Địa chất công trình: Qua kết quả nghiên cứu địa chất công trình trong khu vực cho kết quả sức chịu tải của nền đất đạt từ $0,7 - 0,9\text{kg/cm}^2$. Do vậy, xây dựng các công trình từ hai tầng trở lên cần phải gia cố nền đất bằng cọc tre hay đệm cát.

Thủy văn: Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, sông chính là sông Sò, sông Cát Xuyên kết hợp với hệ thống kênh, mương máng nội đồng cung cấp khá ổn định nguồn nước sản xuất và sinh hoạt cho người dân trong xã.

2. Tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

Đất đai Xuân Bắc có nguồn gốc từ đất phù sa của lưu vực sông Hồng, nhóm đất có diện tích lớn nhất là đất phù sa trẻ (Fluvisols).

2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt của xã chủ yếu do hệ thống sông, kênh mương cung cấp, tuy nhiên nguồn nước mặt của xã chưa đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng của nhân dân trong xã.

Nguồn nước ngầm có trữ lượng tương đối phong phú và phân bố rộng khắp, chất lượng nước ngầm tương đối phù hợp với sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

3. Hiện trạng kinh tế - xã hội

3.1. Hiện trạng dân số, lao động

Dân số toàn xã trong những năm gần đây không có nhiều biến động. Tổng dân số trung bình toàn xã (theo số liệu niên giám thống kê huyện) là 5.940 người. Tỷ lệ tăng dân số tại xã trong những năm vừa qua chủ yếu là tăng tự nhiên, tăng cơ học là không đáng kể.

3.2. Hiện trạng phát triển kinh tế

UBND xã tập trung quản lý, điều hành chi ngân sách tiết kiệm, có trọng điểm để phục vụ các nhiệm vụ chính trị địa phương và đáp ứng một phần chi thường xuyên. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt trên 10,2 tỷ đồng, chi ngân sách đạt gần 8,8 tỷ đồng.

3.2.1. Nông nghiệp

- Về trồng trọt:

Tổng diện tích đất nông nghiệp theo địa giới hành chính xã Xuân Bắc đang quản lý là 199,86 ha: Diện tích gieo cấy là 180,62 ha; diện tích bỏ hoang là 5 ha.

- Tổng diện tích thâm canh tại xã Xuân Vinh là 41,72 ha. Diện tích cho công ty Đình Mộc thuê là 30 ha. Năng suất 2 vụ lúa ước đạt 93,4 tạ/ha (Bằng cùng kỳ năm trước, giảm so với kế hoạch 1.6 tạ/ha), giá trị khoảng 1,1 tỷ đồng.

- Tổng đàn lợn 50 con, đàn trâu bò 10 con, đàn gia cầm, thủy cầm khoảng 12.000 con. Tiêm vắc xin dịch tả cho đàn lợn = 50 con, đạt 100%, tiêm vắc xin cho đàn chó 366/441 con = 83% kế hoạch, số còn lại Ban nông nghiệp đang tiếp tục chỉ đạo tiêm bổ sung. Đến thời điểm này không có dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Giá trị thu nhập từ chăn nuôi đạt khoảng trên 15,5 tỷ đồng.

3.2.2. Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp và Xây dựng

* *Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*: xã tiếp tục được duy trì, tập trung vào các ngành nghề hiện nay tại các hộ gia đình, cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất CN-TTCN trên địa bàn xã.

* *Xây dựng cơ bản*: Tiếp tục giám sát, đôn đốc thi công xây dựng 08 phòng học trường mầm non Xuân Bắc.

* *Xây dựng Nông thôn mới*:

- Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự vào cuộc và ủng hộ của toàn thể cán bộ và nhân dân trong xã. Tháng 7/2021 xã nhà đã được UBND tỉnh ra quyết định công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2020; Ngày 04/10/2021, xóm 5 xã Xuân Bắc đã được UBND huyện ra quyết định công nhận “*Khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020*”.

- Tiếp tục động viên nhân dân cùng cố, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng đường dọc ngõ, vệ sinh môi trường. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở xóm 2, xóm 3, xóm 4 triển khai các phần việc, hoàn thiện các hồ sơ, căn cứ chứng minh để đạt khu dân cư NTM kiểu mẫu năm 2021 từng bước XD xã nhà trở thành xã NTM kiểu mẫu.

- Thực hiện đào đắp, nạo vét kênh mương, tu bổ bờ vùng, bờ thửa.

3.2.3. Các ngành dịch vụ

Trên địa bàn xã thương mại dịch vụ chủ yếu phát triển theo hình thức kinh doanh dịch vụ bán lẻ theo mô hình cá thể, hộ sản xuất, tập trung chủ yếu tại khu vực chợ Công và chợ Trà và dọc theo các trục giao thông chính (trục Huyện lộ Bắc Phong Đài và các đường trục xã). Các sản phẩm hàng hoá kinh doanh chủ yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại địa phương.

Những năm gần đây Xuân Bắc đã đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu thông tin, liên lạc và các dịch vụ khác. Hệ thống dịch vụ thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông thông suốt đáp ứng nhu cầu xã hội, dân sinh.

4. Hiện trạng sử dụng đất

Hiện trạng đất đai của xã gồm toàn bộ diện tích đất tự nhiên của xã Xuân Bắc với tổng diện tích là 318,1 ha.

Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	200,56	63,05
1	Đất trồng lúa	181,66	
2	Đất trồng trọt khác	8,26	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	10,64	
4	Đất nông nghiệp khác	0	
II	Đất xây dựng	117,34	36,9

1	Đất ở	43,81	
2	Đất công cộng	5,23	
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0	
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	3,59	
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	2,51	
6	Đất xây dựng các chức năng khác	0,14	
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	32,43	
7.1	Đất giao thông	20,49	
7.2	Đất xử lý chất thải rắn	1,01	
7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	10,93	
7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0	
8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	29,66	
9	Đất quốc phòng, an ninh	-	
III	Đất khác	0,17	0,05
1	Đất sông ngòi, kênh rạch và mặt nước chuyên dùng	-	
2	Đất chưa sử dụng	0	
	<u>Tổng diện tích đất của (I+II+III)</u>	<u>318,1</u>	<u>100</u>

Nguồn: Số liệu do xã cung cấp và hiệu chỉnh của đơn vị tư vấn

5. Hiện trạng hạ tầng xã hội

5.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã

- Vị trí: Nằm tại khu vực trung tâm xã trên đường Bắc Phong Đài
- Diện tích khuôn viên: 0,19 ha (chưa đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới cần định hướng mở rộng trong thời gian tới).
- Công trình bao gồm: hợp khối của các công trình từ 1-3 tầng, được đầu tư xây dựng khá khang trang, đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

5.2. Hợp tác xã

Hợp tác xã trên đường Bắc Phong Đài phía Nam trường mầm non xã, diện tích 0,1 ha.

5.3. Bưu điện

Bưu điện văn hoá xã nằm ở phía Nam xóm 2 trên đường huyện lộ Xuân Thủy Nam Điền diện tích 0,015 ha.

5.4. Nhà văn hóa

5.4.1. Nhà văn hóa xã

Xã hiện tại chưa có nhà văn hóa xã trong giai đoạn tới cần định hướng xây dựng nhà văn hóa xã để đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hoá cấp xã.

5.4.2. Nhà văn hóa xóm

Trước khi Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực, trên địa bàn xã có 12 xóm và 12 xóm đều đã xây dựng nhà văn hoá xóm theo tiêu chí xây dựng NTM.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, xã Xuân Bắc hiện nay có 13 xóm, bao gồm:

- Xóm 1 (mới) – bao gồm các xóm 1, 10 cũ.
- Xóm 2 (mới) – bao gồm các xóm 2, 4 cũ.
- Xóm 3 (mới) – đổi tên từ xóm 3, 5 cũ.
- Xóm 4 (mới) – bao gồm các xóm 6, 12 cũ.
- Xóm 5 (mới) – bao gồm các xóm 7, 8 cũ.
- Xóm 6 (mới) – đổi tên từ xóm 9, 11 cũ.

Do đó, để phù hợp với việc sáp nhập thôn xóm theo quy định, cần phải có định hướng về không gian sinh hoạt văn hoá chung cho các xóm mới, đồng thời nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hoá để đáp ứng các hoạt động sinh hoạt cộng đồng của từng xóm như hội họp, sinh hoạt vui chơi, sinh hoạt tuổi già, sinh hoạt hè của các cháu thiếu nhi.

5.5. Công trình thể thao

5.5.1. Sân thể thao xã

Hiện tại xã chưa có sân thể thao xã. Trong tương lai cần quy hoạch xây dựng sân thể thao xã để đảm bảo đáp ứng tốt cho nhu cầu sử dụng của người dân địa phương.

5.5.2. Sân thể thao phục vụ các xóm

Hiện tại xã chưa có sân thể thao cho các xóm. Trong tương lai cần quy hoạch xây dựng sân thể thao cho các xóm để đảm bảo đáp ứng tốt cho nhu cầu sử dụng của người dân địa phương.

5.6. Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo

* Về hệ thống các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã

- Trường THCS xã nằm trên đường Bắc Phong Đài phía Tây Nam trụ sở Đảng Ủy-HĐND-UBND xã, diện tích 0,9 ha.

- Trường tiểu học xã nằm tại phía Tây trụ sở Đảng Ủy-HĐND-UBND xã, diện tích 1,28 ha.

- Trường mầm non nằm trên đường Bắc Phong Đài phía Nam xóm 3, diện tích 0,47 ha.

* Về cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, đào tạo: Hiện tại cơ sở vật chất của các trường tương đối đầy đủ, hàng năm các trường đều được đầu tư hoàn thiện để phục vụ cho công tác giảng dạy, chất lượng giáo dục đảm bảo.

Diện tích các trường hiện tại đã đảm bảo tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong tương lai cần phải quy hoạch mở rộng diện tích các trường học để đảm bảo đáp ứng tiêu chí về diện tích khi số học sinh tăng lên, đồng thời có quỹ đất để xây dựng các công trình phục vụ việc giảng dạy và học tập tại trường.

5.7. Trạm y tế

- Xã có 1 trạm y tế được đầu tư khá đồng bộ về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất. Trạm y tế xã có diện tích khuôn viên là 0,25 ha, nằm tại phía Bắc trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã. Các hoạt động y tế hàng năm được triển khai tích cực đồng bộ. Chương trình Quốc gia về phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, khám chữa bệnh cho các đối tượng bảo hiểm y tế, triển khai công tác tiêm chủng mở rộng. Thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của nhân dân trong xã 90%.

Diện tích trạm y tế đảm bảo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

5.8. Chợ xã

- Trên địa bàn xã có chợ Bắc nằm ở phía Nam trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã với diện tích 0,44ha. Chợ là nơi mua bán các mặt hàng tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương.

5.9. Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng

Theo Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh, xã Xuân Bắc có 01 công trình di tích lịch sử - văn hoá cấp tỉnh: đền chùa Xuân Bắc

Ngoài ra, tại xã Xuân Bắc còn có các công trình tôn giáo, tín ngưỡng có kiến trúc đẹp như: Đình làng Xuân Bắc, giáo họ Đức Bà, Giáo họ Giuse

5.10. Hiện trạng không gian kiến trúc và hạ tầng cơ sở

- Nhà ở dân cư trên toàn xã phổ biến là loại hình nhà ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng, theo mô hình VAC với khuôn viên rộng theo cách ở truyền thống, có sự cải tiến theo hướng tiện nghi sinh hoạt, khu phụ tách rời với nhà chính bao gồm bếp và nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi.

- Dọc các trục đường chính có nhiều nhà 2-3 tầng, mái bê tông với các hình thức kiến trúc đa dạng. Một số hộ gia đình kết hợp vừa ở vừa kinh doanh dịch vụ, đa phần là dạng nhà ống. Trong đó khu phụ bao gồm bếp và nhà vệ sinh được xây dựng khép kín, tầng 1 được sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, nhà ở trên địa bàn xã dần dần được cải tạo và xây mới với quy mô và chất lượng tốt hơn. Nhiều khu nhà mới khang trang với kiến trúc và nội thất hiện đại đã thay thế cho các khu nhà cũ kỹ, lạc hậu trước đây.

+ Nhà ở kiên cố hoá, bán kiên cố 100%

+ Nhà tạm dột nát 0%

5.11. Nghĩa trang liệt sỹ

- Nghĩa trang liệt sỹ xã diện tích hiện trạng 0,18 ha, nằm tại phía Nam trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND

5.12. Các công trình công cộng khác

- Quỹ tín dụng nhân dân xã nằm tại phía Tây trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã, giáp bưu điện văn hoá xã, diện tích khoảng 0,01 ha. Quy mô diện tích

hiện tại của quỹ tín dụng chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, cần nghiên cứu mở rộng hoặc di chuyển vị trí quỹ tín dụng trong giai đoạn tiếp theo.

6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông

Nhìn chung hệ thống giao thông của xã đã được liên thông tốt giữa các thôn trong xã và với bên ngoài. Tuy nhiên về chất lượng đầu tư cho giao thông là chưa đồng bộ, quy mô đường còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng tốt nhu cầu đi lại do sự phát triển về số lượng phương tiện. Xã Xuân Bắc có hệ thống giao thông như sau:

6.1.1. Huyện lộ

- Huyện lộ Trung Linh – Phú Nhai: chạy qua phía Nam xã đoạn đi qua xã có chiều dài khoảng 0,35km, kéo dài từ cơ sở cai nghiện kết nối sang xã Xuân Phương, nền đường rộng 11m, mặt nhựa rộng 7m.

- Huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền: chạy qua phía Tây xã có chiều dài khoảng 1,6 km, kéo dài từ xã Xuân Thủy qua cụm công nghiệp Xuân Bắc kết nối sang xã Xuân Phương chia làm 3 đoạn:

- + Đoạn từ xã Xuân Thủy đến cụm công nghiệp Xuân Bắc có nền đường rộng 11m, mặt nhựa rộng 7m

- + Đoạn từ công nghiệp Xuân Bắc đến chợ Bắc có nền đường rộng 15-20m, mặt nhựa rộng 9m đến 10m

- + Đoạn từ chợ Bắc kết nối sang xã Xuân Phương có nền đường rộng 9,5m, mặt nhựa rộng 5,5m

6.1.2. Đường trục xã

- Đường trục xã 1 (TX1): bắt đầu từ nhà văn hóa xóm 3 đi qua xóm 3, xóm 5, xóm 6 kết nối sang xã Xuân Phương, chiều dài khoảng 1,7 km, nền đường rộng 7-8m, mặt đường 5m.

- Đường trục xã 2 (TX2): từ cầu Bắc Ngọc chạy qua xóm 1 kết nối với huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền chiều dài khoảng 1,0 km mặt đường bê tông trung bình rộng 3-4m.

- Đường trục xã 3 (TX3) (đường Bắc Phong Đài) : chạy qua khu vực trung tâm xã có chiều dài khoảng 1,5 km, kéo dài từ chợ Bắc kết nối sang xã Xuân Phong, nền đường rộng 7,5m, mặt nhựa rộng 5,5m.

6.1.3. Đường liên thôn, trục thôn, xóm

Đường trục liên thôn, trục thôn, xóm gồm các tuyến sau:

- Tuyến đường (TT1) từ đường huyện lộ Xuân Thủy- Nam Điền chạy qua xóm 1 chiều dài khoảng 0,5 km, mặt đường bê tông trung bình rộng 3m.

- Tuyến đường (TT2) từ đường Bắc Phong Đài chạy qua xóm 3, xóm 4 chiều dài khoảng 1,4 km, mặt đường bê tông trung bình rộng 3m.

- Các trục đường thôn xóm chính trên địa bàn xã về cơ bản đều đã có chiều rộng trung bình từ 2 - 4m, và phần lớn đã được đổ bê tông mặt.

6.1.4. Giao thông nội đồng

Hệ thống bờ vùng liên hoàn, phần lớn bờ vùng được cứng hoá, xe cơ giới đi lại được, rất thuận lợi cho việc chuyên chở các sản phẩm nông nghiệp.

6.2. Cấp nước

Hiện nay xã Xuân Bắc lấy nước từ nhà máy nước TT Xuân Trường. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn xã đạt 100%.

6.3. Cấp điện

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh toàn bộ lưới điện của xã đã bàn giao cho điện lực Nam Định quản lý và vận hành bán điện đến từng hộ dân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho xã là đường điện 22kV.

- Hiện tại toàn xã có 04 trạm biến áp với tổng công suất 1.220 kVA:

+ Trạm biến áp 1 có công suất 250 kVA

+ Trạm biến áp 2 có công suất 400 kVA

+ Trạm biến áp 3 có công suất 320 kVA

+ Trạm biến áp 4 có công suất 250 kVA

Hiện tại nguồn điện đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất tại xã.

6.4. Thoát nước và vệ sinh môi trường

6.4.1. Thoát nước

- Tại các khu vực tập trung dân cư, khu trung tâm xã hiện tại nước thải sinh hoạt vẫn chưa có hệ thống cống thoát nước chung mà chủ yếu thấm thấu xuống đất hoặc chảy ra sông, hồ, ao xung quanh. Một số khu vực đã được xây dựng các rãnh thoát nước chung.

- Hướng thoát nước chủ yếu là dẫn thoát ra các kênh cấp 3, kênh cấp 2 rồi thoát ra kênh Cát Xuyên

6.4.2. Rác thải sinh hoạt

- Trên địa bàn xã hiện có 01 khu xử lý CTR sinh hoạt ở phía Nam xóm 4. Xã đã thực hiện thu gom, tập kết rác thải về khu xử lý CTR. Phương pháp xử lý rác thải chủ yếu là chôn lấp.

6.4.3. Nghĩa trang nhân dân

Hiện tại tất cả các xóm trên địa bàn xã đều có nghĩa trang nhân dân, tổng diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn xã là 10,93 ha. Trong thời gian

tới cần nghiên cứu mở rộng các nghĩa trang nhân dân tập trung theo hướng khép kín, chỉnh trang đồng thời có giải pháp bảo vệ môi trường xung quanh.

6.5. Hệ thống thủy lợi

Hệ thống thủy lợi của xã nằm trong hệ thống thủy lợi của huyện Xuân Trường do công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý.

Hệ thống kênh cấp 1 tổng chiều dài xấp xỉ 1,1 km. Hệ thống kênh cấp II, chiều dài hơn 9,5km.

Hệ thống kênh cấp II và cấp III tương đối liên hoàn cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

* Trong tương lai để đáp ứng tốt cho sự phát triển nông nghiệp cần quy hoạch lại hệ thống thủy lợi, vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung đầu tư nạo vét các tuyến kênh, kiên cố hóa tiếp các đoạn kênh qua khu dân cư, kênh cấp III gắn với bờ thửa. Tiếp tục xây dựng thêm hệ thống cống cấp II, cấp III, hệ thống trạm bơm tưới tiêu và xây dựng, mở rộng, cứng hóa các trục bờ vùng theo đúng tiêu chí xây dựng nông thôn mới để đảm bảo cơ giới hóa trong nông nghiệp.

7. Đánh giá tổng hợp hiện trạng:

** Thuận lợi:*

- Xã Xuân Bắc có vị trí thuận lợi khi nằm tại phía Đông huyện có 03 trục huyện lộ chạy qua. Đây là điều kiện để xã có thể giao lưu, giao thương hàng hoá với huyện, các xã lân cận trong huyện và các khu vực khác.

- Kinh tế trên địa bàn xã phát triển khá, thu ngân sách hàng năm tương đối cao, có nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng trên địa bàn xã.

- Dân cư sống tập trung thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Có nguồn nhân lực dồi dào.

** Khó khăn:*

- Cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật còn thiếu đồng bộ, các trục đường giao thông còn tương đối nhỏ hẹp.

- Kinh phí xây dựng hệ thống giao thông cũng như các công trình hạ tầng kỹ thuật phải đầu tư kinh phí lớn.

- Cơ cấu kinh tế phát triển chưa thật sự bền vững.

- Môi trường khu dân cư, các khu vực sản xuất cần phải được quan tâm và có giải pháp xử lý.

II. Đánh giá công tác thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch

1. Các đồ án, dự án cấp trên có liên quan đã được phê duyệt:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, **tầm nhìn đến năm 2050.**

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Các quy hoạch ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, thương mại dịch vụ, giao thông, điện lực, thủy lợi, quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh, quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Trường..... đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Các quy hoạch trên địa bàn xã

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Xuân Bắc lập và phê duyệt năm 2011.

- Các quy hoạch khác có liên quan.

3. Các dự án đã và đang triển khai

- Thực hiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các nhà văn hoá, trường học, ...

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật (bê tông hoá đường làng xóm, hệ thống thoát nước, cải tạo sửa chữa kênh mương, làm thủy lợi nội đồng).

- Cấp giấy phép và quyền sử dụng đất cho các hộ dân, một số dự án cơ sở sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch, dự án

Việc chỉ đạo, thực hiện hệ thống các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã nhìn chung tuân thủ theo quy hoạch được các cấp, ngành thực hiện nghiêm túc, góp phần không nhỏ vào thắng lợi đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới của xã, đồng thời là cơ sở để xã tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có nhiều bất cập, xuất hiện những yếu tố mới dẫn đến một số thay đổi so với quy hoạch:

- Nhiều loại quy hoạch khác nhau, có những đồ án quy hoạch đã được triển khai từ khá lâu, định hướng không còn phù hợp trong giai đoạn mới dẫn đến khó khăn cho kiểm soát thực hiện.

- Việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và phủ kín quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã vẫn chưa hoàn thiện.

- Nguồn lực không đủ thực hiện các dự án như quy hoạch đề ra.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; việc quản lý kỹ thuật hạ tầng, thực hiện công tác bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống kết cấu hạ tầng chưa kịp thời.

PHẦN III

TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ

I. Các tiềm năng, động lực phát triển xã

- Xã Xuân Bắc tiếp giáp TT Xuân Trường. Đồng thời trên địa bàn xã hiện có hệ thống hạ tầng kỹ thuật quan trọng, tiếp tục là động lực cho sự phát triển của xã như: huyện lộ Trung Linh-Phú Nhai, huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền chạy qua địa bàn xã, tạo điều kiện cho việc giao thương, vận chuyển hành khách, hàng hoá trên địa bàn xã.

- Hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế qua 10 năm xây dựng và phát triển đã từng bước hình thành và phát triển tương đối ổn định, ngày càng được đầu tư phát triển là yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

II. Tính chất, chức năng và sơ bộ dự báo phát triển

1. Tính chất, chức năng khu vực

- Là xã phát triển đồng đều về nông nghiệp, công nghiệp và DVTM
- Là xã thuộc khu vực cửa ngõ phía Đông Nam của huyện Xuân Trường.
- Là xã có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn.

2. Dự báo dân số

Trên cơ sở hiện trạng dân số xã Xuân Bắc theo niên giám thống kê hiện nay là 5.940 người và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện trạng là 1 %.

- Phương pháp tính toán: $P_t = P_o (1 + \alpha)^t$

Trong đó: P_t : Dân số dự báo; P_o : Dân số hiện trạng.

α : Tỷ lệ tăng trưởng dân số (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học).

t : số năm cần dự báo.

Dự báo tỷ lệ tăng tự nhiên giai đoạn 2021-2030 đạt trung bình 1,0%/năm, tỷ lệ tăng cơ học 0,41%.

Kết quả dự báo dân số qua các năm:

+ Hiện trạng	:	5.940 người.
+ Năm 2030	:	6.832 người.

3. Các dự báo phát triển

3.1. Dự báo và nhận định về phát triển kinh tế

- Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuân Trường đến 2020, định hướng đến năm 2030 và các chương trình phát triển của Tỉnh, của huyện đối với khu vực và xét tình hình thực tế phát triển của địa phương: Dự báo trong tương lai, xã Xuân Bắc sẽ phát triển đồng đều về nông nghiệp, CN-

TTCN và dịch vụ thương mại.

+ Ngành công nghiệp - TTCN tiếp tục gắn liền với sự phát triển, đầu tư nâng cấp nhà xưởng, dây chuyền sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hiện hữu. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp sẽ có xu hướng tăng nhanh hơn do định hướng phát triển thêm các khu vực phát triển sản xuất mới và CCN. Các sản phẩm CN-TTCN chủ đạo vẫn tập trung vào sản phẩm chủ lực của xã hiện nay và các ngành nghề định hướng phát triển tại khu vực CCN đồng thời phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, độ tinh xảo của thành phẩm.

+ Các ngành dịch vụ sẽ phát triển nhanh hơn với lý do phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, khai thác vị thế giáp TT Xuân Trường, lợi thế về giao thông với huyện lộ Trung Linh-Phú Nhai, huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền, các đường trục xã, tăng cường kết nối giao thương với các xã lân cận được đẩy mạnh trên lợi thế về giao thông. Các loại hình dịch vụ sẽ phát triển như: thương mại, dịch vụ và vui chơi giải trí.

+ Với định hướng quy hoạch chuyển đổi một phần quỹ đất nông nghiệp trên địa bàn xã cho phát triển các chức năng khác nên tỷ trọng các ngành nông nghiệp trong tổng cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã sẽ giảm dần với tốc độ nhanh hơn các giai đoạn trước. Ngành nông nghiệp dự kiến phát triển theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị sản phẩm hàng hoá, xây dựng các mô hình trang trại tập trung. Việc chuyển đổi sử dụng đất cũng đi kèm với sự chuyển đổi về chất của nền kinh tế, thay đổi về lượng của cơ cấu lao động.

3.2. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đai:

Việc phát triển các cơ sở kinh tế, hạ tầng xã hội dẫn đến tất yếu phải khai thác quỹ đất nông nghiệp trên địa bàn xã. Tuy nhiên, việc khai thác đất đai sẽ trải dài trong 10 năm và định hướng như sau:

- Đất xây dựng phát triển cho các chức năng hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế cần lựa chọn, khai thác tại những vị trí có lợi thế về hạ tầng kỹ thuật, có khả năng giao thương lớn, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến các nhân tố hiện có trên địa bàn như: GPMB các khu dân cư, phá vỡ cấu trúc hạ tầng hiện có.... Đồng thời tận dụng tối đa quỹ đất trống, đất canh tác kém hiệu quả, các khu đất xen kẹt hiện nay tại xã.

- Phát triển xã gắn với quỹ đất cho các khu vực chức năng chuyên ngành như: thương mại dịch vụ, đất ở, khu vực công cộng,... một cách có trọng tâm, trọng điểm nhưng đảm bảo tính hài hoà, hợp lý trong tổng thể không gian xã.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính của đồ án.

1. Tiêu chí diện tích một số công trình hạ tầng xã hội

STT	Công trình	Tiêu chí
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$

2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 5.000 \text{ m}^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000 \text{ m}^2$ (có vườn thuốc)
		$\geq 500 \text{ m}^2$ (không có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hoá xã	$\geq 150 \text{ m}^2$
6	Chợ xã	≥ 1.500 (đối với xã có quy hoạch chợ)
7	Trụ sở Công an xã	$1.000 \text{ m}^2 - 2.000 \text{ m}^2$
8	Trường học	
	+ Trường mầm non	$\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường tiểu học	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường THCS	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Cấp thôn, xóm	
1	Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn (xóm)	
	+ Nhà văn hoá thôn (xóm)	Nhà văn hóa thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 300 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)
	+ Khu thể thao thôn (xóm)	Khu thể thao thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 500 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)

2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Giao thông	
	+ Quốc lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Tỉnh lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Huyện lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Đường trục xã, liên xã	Cấp IV, cấp V đồng bằng, cấp A
	+ Đường trục chính thôn xóm	Cấp A, cấp B, cấp C
	+ Đường trục chính nội đồng	Cấp B, cấp C, cấp D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60lít/người/ngày đêm

- Cấp điện sinh hoạt: tối thiểu 150 W/người.
- Cấp nước sinh hoạt: tối thiểu 60 lít / người/ ngày đêm.

PHẦN IV

NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

I. Định hướng Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

1. Định hướng xây dựng khu trung tâm xã

Để hình thành và phát triển xã tương xứng với tiềm năng, động lực phát triển của xã trong giai đoạn tiếp theo, đồng thời đảm bảo tính kết nối liên hoàn trên địa bàn toàn xã, định hướng hình thành khu trung tâm xã hình thành khu trung tâm xã khu vực từ trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã, đến cụm công nghiệp Xuân Bắc. Khu trung tâm xã sẽ bao gồm hệ thống các công trình trụ sở, sân thể thao xã, trường học, y tế, an ninh, khu dân cư tập trung...

2. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục

2.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND

Trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã hiện tại có diện tích chưa đảm bảo tiêu chí NTM, trụ sở có khuôn viên tương đối chật hẹp nên cần định hướng mở rộng để đảm bảo hoạt động nhưng do xung quanh trụ sở không còn quỹ đất để mở rộng nên định hướng xây mới trụ sở ra vị trí mới tại phía Bắc cụm công nghiệp Xuân Bắc với quy mô 1 ha.

2.2. Hợp tác xã

Hợp tác xã nông nghiệp có vị trí phù hợp, đảm bảo nhu cầu sử dụng. Định hướng giữ nguyên vị trí và quy mô công trình.

2.3. Bưu điện

Bưu điện xã hiện tại nằm giáp phía Tây Nam trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã, đã đảm bảo theo tiêu chí NTM. Định hướng giữ nguyên vị trí và quy mô công trình.

2.4. Nhà văn hoá

2.4.1. Nhà văn hóa xã

Hiện tại xã Xuân Bắc chưa có nhà văn hóa xã. Định hướng xây mới nhà văn hóa xã tại phía Đông Nam cụm công nghiệp Xuân Bắc gần trường trung học cơ sở với quy mô diện tích 0,35 ha

2.4.2. Nhà văn hóa các xóm

Trước khi Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực, trên địa bàn xã có 12 xóm và 12 xóm đều đã xây dựng nhà văn hoá xóm. Tuy nhiên, sau khi thực hiện Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, xã Xuân Bắc hiện nay có 6 xóm. Vì vậy, định hướng quy hoạch đối với nhà văn hoá xóm sau khi thực hiện sáp nhập cụ thể như sau:

- Xóm 1 (mới) – bao gồm các xóm 1, 10 cũ: Quy hoạch sử dụng nhà văn hoá của xóm 10 (cũ).

- Xóm 2 (mới) – bao gồm các xóm 2, 4 cũ: Quy hoạch sử dụng nhà văn hoá của xóm 2 (cũ).

- Xóm 3 (mới) – đổi tên từ xóm 3, 5 cũ: Quy hoạch sử dụng nhà văn hoá của xóm 5 (cũ).

- Xóm 4 (mới) – bao gồm các xóm 6, 12 cũ: Quy hoạch xây dựng mới nhà văn hoá xóm tại phía Nam xóm 4, với quy mô 0,1ha. Nhà văn hóa xóm 12 cũ chuyển thành đất ở đầu giá

- Xóm 5 (mới) – bao gồm các xóm 7, 8 cũ: Quy hoạch sử dụng nhà văn hoá của xóm 7 (cũ).

- Xóm 6 (mới) – đổi tên từ xóm 9, 11 cũ: Quy hoạch sử dụng nhà văn hoá của xóm 11 (cũ).

2.5. Khu công viên cây xanh, TDTT

2.5.1. Sân thể thao trung tâm xã:

Xã hiện tại chưa có sân thể thao trung tâm vì vậy để đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt của người dân và việc tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cấp xã, đầu tư xây dựng thêm các hạng mục như nhà đa năng, sân cầu lông, bóng chuyền, ..., định hướng quy hoạch mới sân thể thao trung tâm xã tại phía Bắc cụm công nghiệp Xuân Bắc, với quy mô 1ha.

2.5.2. Sân thể thao khu vực phục vụ các xóm:

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 1 nằm trên đường trục xóm kết nối với huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền phía Nam nhà thờ Giáo họ Đức Bà với quy mô diện tích 0,06 ha

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 2 nằm trên đường huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền đối diện trụ sở Đảng Ủy-HĐND-UBND với quy mô diện tích 0,06 ha

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 3 nằm trên đường Bắc Phong Đài phía Bắc xóm 3 với quy mô diện tích 0,06 ha

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 4 nằm trên đường TT2 phía Nam xóm 4 với quy mô diện tích 0,2 ha

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 5 nằm trên đường trục xóm phía Đông chợ Bắc với quy mô diện tích 0,06 ha

- Định hướng quy hoạch sân thể thao xóm 6 nằm trên đường trục xóm phía Nam chùa Trà Lũ Trung với quy mô diện tích 0,06 ha.

2.5.3. Khu công viên cây xanh:

Quy hoạch 01 khu công viên cây xanh tập trung tại điểm nhấn cảnh quan trong không gian phát triển của xã đồng thời tạo không gian vui chơi giải trí cho

người dân tại khu vực phía Bắc cụm công nghiệp Xuân Bắc. Quy mô diện tích khu công viên cây xanh là 0,47ha.

2.6. Các công trình giáo dục:

- Trường mầm non: Định hướng mở rộng trường mầm non về phía Tây với diện tích 0,21 ha, diện tích sau mở rộng diện tích 0,68 ha.

- Trường tiểu học: Để xây dựng một số hạng mục phục vụ tốt hơn nhu cầu giảng dạy, học tập tại trường, cũng như đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích công trình khi số học sinh tăng lên trong tương lai, định hướng quy hoạch như sau:

- + Quy hoạch mở rộng trường Tiểu học xã về phía Tây, với diện tích mở rộng 0,42ha nâng tổng diện tích của trường sau mở rộng là 1,7ha.

- Trường THCS: Định hướng giữ nguyên quy mô và diện tích

2.7. Trụ sở công an xã:

- Định hướng quy hoạch trụ sở công an xã nằm trên đường huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền phía Tây cụm công nghiệp Xuân Bắc với quy mô 0,12 ha

2.8. Chợ xã:

Chợ Bắc xã Xuân Bắc hiện tại đảm bảo nhu cầu mua bán của người dân trên địa bàn xã. Định hướng giữ nguyên vị trí và quy mô các chợ như hiện tại.

2.9. Trạm y tế:

Trạm y tế xã nằm tại phía Nam trường mầm non, diện tích khuôn viên 0,25ha, đã đảm bảo tiêu chí xây dựng NTM. Định hướng giữ nguyên vị trí và quy mô.

2.10. Các công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng:

Thực hiện bảo tồn các công trình di tích, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng được xếp hạng tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Quy hoạch mở rộng đền Trà Bắc thêm 0,3 ha

2.11. Nghĩa trang liệt sỹ

Nghĩa trang liệt sỹ hiện tại nằm tại phía Tây chợ Bắc, diện tích 0,18ha. Định hướng giữ nguyên quy mô và diện tích.

3. Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

- Quy hoạch xây dựng đất ở mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời nhằm chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có. Vị trí quy hoạch các khu ở mới tập trung như sau:

- + Vị trí 1: Trên phần đất nông nghiệp phía Nam xóm 1 nằm trên huyện lộ Trung Linh-Phú Nhai, diện tích 7ha.

- + Vị trí 2: Trên phần đất nông nghiệp phía Nam xóm 5 giáp đường huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền, diện tích 3,1 ha.

+ Vị trí 3: Trên phần đất nông nghiệp phía Nam xóm 2 giáp đường trục (TD2), diện tích 1,3 ha.

+ Vị trí 4: Trên phần đất nông nghiệp phía Bắc xóm 1 giáp đường huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền, diện tích 4,1 ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẽ với các khu dân cư cũ, nhằm khép kín và chỉnh trang các điểm dân cư, tổng diện tích 4,32ha.

4. Định hướng quy hoạch khu dịch vụ thương mại

Phát triển quỹ đất dịch vụ thương mại nhằm đáp ứng cơ sở vật chất cho các ngành dịch vụ thương mại của xã. Hệ thống cơ sở và các trung tâm dịch vụ thương mại tại xã được bố trí thành các khu chuyên dụng trên cơ sở khai thác lợi thế của các trục giao thông chính, cụ thể:

+ Định hướng quy hoạch 01 điểm dịch vụ thương mại phía Nam xóm 1 diện tích 12ha.

+ Định hướng quy hoạch 01 điểm dịch vụ thương mại nằm trên huyện lộ Trung Linh-Phú Nhai nằm ở phía Nam xã diện tích 3,5 ha.

5. Định hướng phát triển cụm công nghiệp, khu vực sản xuất công nghiệp

- Tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất tại CCN Xuân Bắc với quy mô 2,5 ha, tại cụm công nghiệp định hướng phát triển thu hút các xưởng sản xuất đồ gỗ tại cụm công nghiệp tạo công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn xã.

6. Đất dự trữ phát triển

+ Định hướng quy hoạch quỹ đất dự trữ phát triển nằm ở phía Nam xóm 1 diện tích 3,4 ha.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	144,37	45,4
1	Đất trồng lúa	122,47	
2	Đất trồng trọt khác	8,26	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	13,64	
4	Đất nông nghiệp khác	0	
II	Đất xây dựng	173,56	54,55
1	Đất ở	63,63	
	- Đất ở làng xóm hiện có	43,81	
	- Đất ở mới	19,82	
2	Đất công cộng	7,21	
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,95	
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	3,89	
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	2,51	
6	Đất dự trữ phát triển	3,4	

7	Đất xây dựng các chức năng khác	15,64	
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	45,55	
8.1	Đất giao thông	32,49	
8.2	Đất xử lý CTR	1,01	
8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	12,05	
8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0	
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	29,66	
10	Đất quốc phòng, an ninh	0,12	
III	Đất khác	0,17	0,05
1	Đất sông ngòi, kênh rạch và mặt nước chuyên dùng	0,17	
2	Đất chưa sử dụng	0	
	<u>Tổng diện tích đất của (I+II+III)</u>	<u>318,1</u>	<u>100</u>

Nguồn: Số liệu theo tính toán của đơn vị tư vấn

7. Định hướng không gian kiến trúc, cảnh quan, thiết kế xây dựng

* Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tổng thể xã trên cơ sở các yếu tố tự nhiên, hệ thống giao thông chính, các khu chức năng chính, các khu vực phát triển:

Các trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan là các trục giao thông chính. Trong đó các giải pháp cần có nguyên tắc tạo tầm nhìn thoáng rộng, điểm nhìn đa dạng, thoáng mở và tạo cảm hứng thị giác, ngoài ra còn gắn với yếu tố môi trường và đảm bảo mô hình xây dựng cho các chức năng dọc tuyến.

Các khu chức năng chính của khu vực quy hoạch (Khu trung tâm xã, các công trình trung tâm hành chính - chính trị xã, công trình công cộng, cơ sở giáo dục, y tế, trường học, khu dân cư, khu vực sản xuất công nghiệp...vv) được quy hoạch với hình thái kết hợp giữa mô hình các khu vực mang dáng dấp đô thị hiện đại và các khu vực làng xóm truyền thống, đảm bảo tối ưu hóa công năng sử dụng, tiết kiệm năng lượng và chi phí sử dụng, tạo dựng các không gian trung tâm đặc trưng, điểm nhấn không gian chính cho mỗi khu chức năng, kết nối hợp lý với hệ thống không gian mở chính, tạo dựng không gian liên hoàn, sinh động và phong phú. Đồng thời kết hợp các giá trị cảnh quan thiên nhiên với hệ thống cây xanh - mặt nước nhân tạo để tạo khung liên kết mềm, tạo hệ thống không gian mở chính kết nối, đồng thời làm rõ không gian các khu chức năng. Tạo các điểm nhìn, hướng nhìn, khai thác được tối đa giá trị cảnh quan của hệ thống không gian mở, của khung cảnh quan thiên nhiên. Cụ thể:

- Đối với trung tâm hành chính, công trình công cộng cấp xã định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn thành hệ thống, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Định hướng tiếp tục khai thác, thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với công trình xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Tầng cao xây dựng tối đa với các công trình trụ sở, công cộng là 5 tầng.

- Đối với các chức năng định hướng phát triển mới tại khu trung tâm xã và các khu vực khác trong các bước nghiên cứu thiết kế tiếp theo cần tạo cho khu vực này có không gian kiến trúc đặc trưng, phù hợp với công năng sử dụng.

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và khu vực giáp các trục huyện lộ: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống. Tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng đối với dạng nhà lô phố và 03 tầng đối với dạng nhà vườn.

+ Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thái kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và đề cao công năng sử dụng.

+ Đối với khu vực sản xuất công nghiệp tập trung (CCN): Bố trí tổng mặt bằng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, hệ thống nhà xưởng được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc giao thương, vận chuyển hàng hoá và tổ chức sản xuất, phù hợp với các nội dung quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng dự án được lập theo quy định.

- Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẽ: Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hoà trong tổng thể phát triển chung của xã.

II. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

1.1. Giao thông đối ngoại:

- Huyện lộ Trung Linh – Phú Nhai: chạy qua phía Nam xã đoạn đi qua xã có chiều dài khoảng 0,35km, kéo dài từ cơ sở cai nghiện kết nối sang xã Xuân Phương, quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền: chạy qua phía Tây xã có chiều dài khoảng 1,6 km, kéo dài từ xã Xuân Thủy qua cụm công nghiệp Xuân Bắc kết nối sang xã Xuân Phương, quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng

- Huyện lộ HL4: chạy qua phía Đông xã có chiều dài khoảng 0,4 km, kéo dài từ xã Xuân Phong kết nối với xã Thọ Nghiệp, quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng

1.2. Giao thông đối nội

1.2.1. Đường trục xã, liên xã

a. Đường trục xã hiện hữu:

- Đường trục xã 1 (TX1): bắt đầu từ nhà văn hóa xóm 3 đi qua xóm 3, xóm 5, xóm 6 kết nối sang xã Xuân Phương chiều dài khoảng 1,7 km. Quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xã 2 (TX2): từ cầu Bắc Ngọc chạy qua xóm 1 kết nối với huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền chiều dài khoảng 1,0 km. Quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xã 3 (TX3) (đường Bắc Phong Đài) chạy qua khu vực trung tâm xã có chiều dài khoảng 1,5 km, kéo dài từ chợ Bắc kết nối sang xã Xuân Phong, quy hoạch quy mô đường cấp V đồng bằng.

1.2.2. Đường liên xóm, trục xóm

a. Đường trục xóm, liên xóm hiện hữu

- Tuyến đường (TT1) từ đường huyện lộ Xuân Thủy- Nam Điền chạy qua xóm 1 chiều dài khoảng 0,5 km. Quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Tuyến đường (TT2) từ đường Bắc Phong Đài chạy qua xóm 3, xóm 4 chiều dài khoảng 1,4 km. Quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

1.2.3. Các trục đường quy hoạch mới khác:

- Quy hoạch trục đường TĐ1 (chiều dài 0,6km) ở phía Nam xóm 3 kết nối đường Bắc Phong Đài với huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền. Quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ2 (chiều dài 0,7km) các đường khu vực trung tâm xã kết nối các công trình công cộng của xã. Quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ3 (chiều dài 0,4km) kết nối từ đường huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền đến đường trục xã TX2. Quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ4 (chiều dài 0,45km) kết nối từ đường Bắc Phong Đài đến huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền. Quy hoạch quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ5 (chiều dài 0,4km) kết nối từ đường trục xã TX1 đến huyện lộ Xuân Thủy-Nam Điền. Quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ6 (chiều dài 0,5km) kết nối từ đường TĐ3 qua xã Xuân Ngọc. Quy hoạch quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch trục đường TĐ7 (chiều dài 0,37km) kết nối từ khu dân cư xóm 5 đến đường trục thôn TT2. Quy hoạch quy mô đường cấp V đồng bằng.

1.3. Hệ thống cầu:

- Định hướng quy hoạch các cầu qua kênh Mã trên các tuyến đường quy hoạch mới TĐ6

- Định hướng quy hoạch các cầu qua kênh Cát Xuyên trên các tuyến đường quy hoạch mới TĐ4, TĐ5

2. Định hướng cấp nước

2.1. Nguồn cấp nước

Nguồn cấp nước cho xã Xuân Bắc tiếp tục ổn định lấy nước từ nhà máy TT Xuân Trường

2.2. Tính toán công suất.

- + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: tối thiểu 60 lít /người/ ngày đêm.
- + Số người dùng nước sinh hoạt: 6.832 người (năm 2030).
- + Tiêu chuẩn cấp nước khu vực công cộng, dịch vụ: 10% Qsh
- + Tiêu chuẩn cấp nước CCN: 20m³/ha/ng.đ cho tối thiểu 60% diện tích

Bảng tính lưu lượng cấp nước

STT	Đối tượng dùng nước	Tiêu chuẩn	Quy mô	Nhu cầu (m ³ /ng.đ)
1	Nước sinh hoạt	60l/ng. ngđ	6.832 người	410
2	Nước công cộng và dịch vụ	10% Qsh		41
3	Nước tưới cây rửa đường	8% Qsh		32
4	Nước công nghiệp	20m ³ /ha cho 60% diện tích	2,51ha	31
5	Nước rò rỉ dự phòng	15%ΣQ		77
6	Tổng (1+2+3+4+5)			591

Tổng công suất cấp nước cho xã đến năm 2030 là 591m³/ng.đ

2.3. Mạng đường ống

- Hệ thống đường ống cấp nước: sử dụng ống nhựa HDPE, độ sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m tính từ mặt nền thiết kế tới đỉnh ống.

- Mạng đường ống hiện trạng: cải tạo tuyến ống xuống cấp do sử dụng lâu năm, đồng thời đấu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: Mạng lưới đường ống dịch vụ được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, mạng dịch vụ được đấu nối vào mạng lưới đường ống phân phối để cấp cho các khu vực, có đường kính từ D63 đến D160.

Bảng thống kê đường ống

STT	Loại ống – Đường kính	Đơn vị	Khối lượng
2	Ống cấp nước D110	m	5.836
3	Ống cấp nước D90	m	7.383

3. Hệ thống cấp điện

3.1. Nguồn cấp điện

Nguồn cấp điện cho xã Xuân Bắc được lấy từ lưới điện trung thế 22kV.

3.2. Tính toán lưới điện

- Điện năng sinh hoạt: tối thiểu 150W/người
- Điện công trình công cộng bằng 15% điện năng sinh hoạt.

- Điện cho sản xuất công nghiệp: 250kW/ha

Bảng tính toán phụ tải điện

TT	Danh mục	Quy mô	Chỉ tiêu cấp điện (kW/ha)	Phụ tải điện (kW)	Phụ tải tính toán với Kđt=0,7	
					kW	KVA
1	Điện sinh hoạt	6.832 người	150W/ng	1024	717	896
2	Điện công trình công cộng	-	15% SH	153	107	134
3	Điện công nghiệp	2,51 ha	250 kW/ha	627	439	550
	Tổng cộng				1264	1580

3.3. Quy hoạch lưới điện

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.

- Quy hoạch thêm 03 trạm biến áp, tổng công suất là 750 kVA, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện tại các khu vực quy hoạch chức năng mới.

- Vị trí quy hoạch các trạm biến áp mới mang tính định hướng, vị trí cụ thể xây dựng do ngành điện lực khảo sát và bố trí.

- Đối với khu vực sản xuất công nghiệp sẽ do công ty điện lực Nam Định tính toán trạm biến áp để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất.

4. Hệ thống thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh cấp 1, cấp 2.

- Thực hiện kiên cố hoá các tuyến kênh cấp 2, kênh đất cấp 3 còn lại, đảm bảo phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

5. Hệ thống thoát nước

- Hướng thoát nước chủ yếu là từ các kênh cấp 2, cấp 3 rồi thoát sông Cát Xuyên và sông Mã.

- Mạng lưới hệ thống thoát nước

+ Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và dẫn thoát ra các hệ thống kênh mương.

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của đồ án này.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung quy hoạch mới sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.

+ Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải chung cho cụm công nghiệp và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy, cơ sở.

+ Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, có kích thước B500-B600, độ dốc từ 0,2% đến 0,25%.

Bảng thống kê cống thoát nước

TT	Loại cống	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống xây B400	m	2.700
2	Cống xây B500	m	10.900

6. Vệ sinh môi trường

6.1. Xử lý CTR

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn xã giai đoạn đầu được thu gom và xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của xã. Giai đoạn sau sẽ vận chuyển và đưa đến khu xử lý CTR vùng huyện để xử lý chung cho toàn huyện (theo định hướng quy hoạch xử lý CTR toàn tỉnh đã được phê duyệt).

- CTR công nghiệp cần phân loại ngay tại nguồn. CTR công nghiệp không nguy hại phải được chuyển đến khu xử lý chất thải rắn vùng huyện để xử lý. CTR công nghiệp nguy hại phải chuyển đến khu xử lý CTR Lộc Hòa – xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định để xử lý.

- Hình thức thu gom rác thải: Tổ chức thu gom CTR bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, tập kết CTR tới bãi tập kết rác của các thôn. Đến năm 2025, trên 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh: 0,7 kg/người/ngày.

- Lượng rác thải công nghiệp phát sinh: 0,3 tấn/ha

- Trong tương lai tại khu trung tâm, các đường trục chính có thùng rác công cộng 0,5m³.

- Tính toán lượng rác:

+ Hiện trạng: $5.940 \times 0,7 + 300 \times 2,51 = 4.923$ kg/ ngày

+ Năm 2030: $6832 \times 0,7 + 300 \times 2,51 = 5.547$ kg/ ngày

6.2. Nghĩa trang

- Quy hoạch mở rộng theo hướng khép kín một số khu nghĩa trang nhân dân hiện hữu, trồng cây xanh cách ly để đảm bảo vệ sinh môi trường. Cụ thể:

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Nam xóm 4 thêm 0,45 ha.

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Bắc xóm 3 thêm 0,6 ha.

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Bắc xóm 6 thêm 0,15 ha.

- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Bắc xóm 1 thêm 0,12 ha.
- Các khu nghĩa trang còn lại không định hướng mở rộng, thực hiện trồng cây xanh cách ly để đảm bảo môi trường.

III. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

Theo quy hoạch tính riêng đất sản xuất nông nghiệp toàn xã có 144,37ha. Định hướng quy hoạch thành 03 vùng chính như sau:

- Vùng trồng lúa bao gồm: đất trồng lúa có tổng diện tích 122,47ha
- Vùng đất trồng trọt khác có tổng diện tích 8,26ha.
- Vùng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 13,64 ha và các ao hồ trong các khu dân cư.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

I. Căn cứ pháp lý và mục tiêu đánh giá môi trường chiến lược

1. Các căn cứ pháp lý

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

2. Mục tiêu và nội dung

2.1. Mục tiêu

- Lồng ghép các vấn đề môi trường vào quy hoạch, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường khu chức năng (khu dân cư, khu dịch vụ thương mại, khu vực công cộng,), khu vực CCN.

2.2. Nội dung

- Xác định các vấn đề môi trường chính: Chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, hệ sinh thái.

- Đánh giá diễn biến môi trường khu vực, dự báo các tác động môi trường của đồ án quy hoạch.

- Tổng hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án.

II. Đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn xã Xuân Bắc

1. Hiện trạng môi trường đất, hệ sinh thái

Đất đai chủ yếu là đất phù sa cổ không còn được bồi tụ hàng năm. Thành phần cơ giới đất là đất thịt, khả năng giữ nước và giữ chất dinh dưỡng tốt, địa hình bằng phẳng thuận lợi cho phát triển cây trồng.

2. Hiện trạng môi trường nước

Nhìn chung môi trường nước mặt tại khu vực quy hoạch nằm trong giới hạn cho phép. Nước thải sinh hoạt tương đối lớn, bình quân mỗi ngày thải trực tiếp ra môi trường không qua xử lý. Tuy nhiên hệ thống cống rãnh nổi xen kẽ trong các khu vực dân cư không đủ sức chứa nên khi bị ngập do mưa lớn dễ bị tràn trên bề mặt gây ô nhiễm môi trường nước và không khí.

Chất lượng nước ngầm: nguồn nước ngầm có trữ lượng phong phú, do người dân khai thác nên trữ lượng sụt giảm; hàm lượng sắt trong nước ngầm khá cao, nếu sử dụng phải qua xử lý làm sạch.

3. Hiện trạng môi trường không khí

Từ số liệu quan trắc môi trường không khí khu vực cho thấy các chất độc hại trong môi trường không khí trên địa bàn xã chưa có dấu hiệu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép.

Nhìn chung, môi trường không khí của khu vực còn khá tốt trừ khu vực xử lý rác thải tập trung của xã còn có hiện tượng bị ô nhiễm cục bộ tại một số thời điểm trong ngày.

4. Hệ sinh thái

Xã Xuân Bắc có hệ sinh thái đồng bằng Bắc bộ. Hệ thực vật chủ yếu gồm các loài phục vụ sản xuất nông nghiệp như: lúa, rau màu, không có những loài vật thuộc diện cần bảo tồn. Trong khu vực hiện nay hệ thực vật đang bị sụt giảm nhanh chóng do một số diện tích đất nông nghiệp chuyển thành đất xây dựng, đất dịch vụ, dân cư, và ảnh hưởng bởi các biện pháp bảo vệ thực vật.

5. Hiện trạng quản lý chất thải rắn

Hiện nay công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn trên địa bàn được cải thiện đáng kể, CTR sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung của xã, được xử lý bằng hình thức chôn lấp, tuy nhiên các thiết bị chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác còn thiếu. Riêng CTR là phế thải xây dựng còn đang tận dụng để san lấp mặt bằng, ao hồ... chưa có điểm xử lý chôn lấp tập trung. Rác thải công nghiệp phát sinh từ các cơ sở sản xuất trong trên địa bàn xã chủ yếu được thu gom cùng với CTR sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt của nhân dân và các cơ quan ngày càng nhiều nhưng chưa có biện pháp phân loại rác.

6. Chất thải lỏng

Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã hiện nay là hệ thống thoát nước chung trong một hệ thống. Nguồn thu nhận nước thải là các hệ thống sông, kênh tự nhiên trong vùng và hệ thống cống thoát nước trong vùng. Tuy nhiên số lượng cống còn ít và một số công trình cũ đang xuống cấp nên việc tiêu thoát nước còn nhiều hạn chế.

Lượng nước thải từ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cơ bản không được xử lý tập trung mà chỉ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thải trực tiếp ra hệ thống cống thoát. Nước thải từ các cơ sở này có hàm lượng chất hữu cơ và hàm lượng chất rắn lơ lửng cao, nếu không được xử lý đây sẽ là nguồn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước và môi trường trong khu vực như làm tăng độ đục của nguồn nước khu vực, sinh ra mùi hôi thối, trong quá trình phân hủy tạo ra các chất độc hại, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của hệ thủy sinh và gây ô nhiễm nguồn nước ngầm trong khu vực.

III. Đánh giá tác động, giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường

1. Các tác động tích cực

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã tái sắp xếp không gian kinh tế - xã hội - môi trường tại khu vực. Đây là những điều chỉnh mang tính chiến lược phát triển tổng thể trên địa bàn, có tính chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Việc phân ra các khu chức năng phát triển có hướng tập trung nhằm cải thiện môi trường kinh tế - xã hội, định hướng bảo vệ môi trường tự nhiên và sinh thái trên cơ sở sắp xếp hợp lý các cơ sở kinh tế - xã hội, phát triển và khai thác các thế mạnh của đô thị, tạo thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường.

- Các khu dân cư được sắp xếp tương thích với việc phát triển không gian kinh tế, có vai trò kích thích các hoạt động kinh tế - xã hội xã.

- Kết cấu hạ tầng được cải thiện: bao gồm hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, chuẩn bị kỹ thuật đất đai và các công trình trực tiếp bảo vệ môi trường nhằm hạn chế sự ô nhiễm môi trường vật lý, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên.

2. Các tác động tiêu cực

2.1. Đánh giá tác động xảy ra do quá trình quản lý, quy hoạch

- Việc phát triển chức năng trên địa bàn xã không đầu tư đầy đủ hạ tầng xã hội, các khu vực dân cư cũ dần tới thiếu thôn giao thông, điện nước, công trình thoát nước vệ sinh môi trường, cây xanh công viên và các dịch vụ công cộng kể cả tệ nạn xã hội cũng phát sinh từ đây.

- Nhiều khu chức năng do thiếu quản lý, không thực hiện theo quy hoạch, dễ tự phát sinh, lấn chiếm phá vỡ không gian cảnh quan.

- Quy hoạch không sát, thiếu thực tế không khả thi và chưa có quan điểm môi trường, hay đánh giá tác động môi trường đầy đủ ở mỗi dự án đầu tư...

Tất cả hiện tượng trên dẫn tới ảnh hưởng môi trường.

2.2. Đánh giá tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án

Tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và san nền chủ yếu tập trung vào vấn đề thay đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch mới và đền bù giải phóng mặt bằng.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: việc thay đổi quy hoạch sử dụng đất là hoạt động lớn nhất của dự án đến môi trường đặc biệt là môi trường kinh tế xã hội, tuy nhiên đây là một hiện tượng tất yếu.

- Thay đổi bề mặt phủ: một phần diện tích đất sẽ được bê tông hoá do quá trình xây dựng các công trình do vậy mà làm giảm đi bề mặt đất (đất ruộng, kênh mương, bãi cỏ...vv) có khả năng thấm, giữ nước, tiêu thoát nước. Do vậy có thể dẫn đến hiện tượng ngập úng khi có mưa to, trong giai đoạn thiết kế phải quan tâm đến hệ thống tiêu thoát nước mưa và san nền tiêu thụ.

- Thay đổi hệ sinh thái: hệ sinh thái nông nghiệp chuyển sang hệ sinh thái chức năng cho phát triển xã hội - kinh tế, hệ sinh thái nông nghiệp là tương đối thuần, phổ biến và không có các loài động, thực vật nào quý hiếm nằm trong sách đỏ cần được bảo vệ. Do vậy việc thay đổi hệ sinh thái là chấp nhận được và không có ảnh hưởng xấu.

2.3. Đánh giá tác động xảy ra trong quá trình xây dựng

- Ô nhiễm do bụi đất, đá, cát tác động trực tiếp lên người công nhân thi công tại công trường và tới môi trường khu vực xung quanh (dân cư, giao thông vận tải...vv).

- Ô nhiễm do tiếng ồn, rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do chất thải phát sinh từ các hoạt động của con người thi công trên công trường và hoạt động của các thiết bị máy móc thi công (nước thải, dầu mỡ, chất thải rắn).

- Ô nhiễm do nhiệt: từ quá trình thi công có gia nhiệt như đốt nóng bitum, nhiệt phát sinh từ các máy móc thiết bị thi công, nhất là trong điều kiện thi công mùa hè nóng bức. Tác động nhiệt này chủ yếu là đối với người công nhân trực tiếp thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do khí thải: từ các phương tiện vận tải, đào đất, san ủi. Loại ô nhiễm này có tác động phân tán tới các khu vực dân cư xung quanh.

Mặc dù có những tác động xấu đã nêu ở trên. Nhưng giai đoạn thi công thường liên hoàn theo khu vực. Vì vậy các tác động này chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp và có tính chất tác động tạm thời. Các tác động này sẽ mất đi khi công trình đi vào giai đoạn khai thác sử dụng.

2.4. Đánh giá tác động xảy ra khi đi vào khai thác sử dụng hoàn chỉnh

a. Đối với hệ sinh thái:

Nói chung trong khu vực quy hoạch xây dựng không có sinh thái nguyên sinh, mà chỉ có sinh thái thứ sinh giá trị kinh tế không lớn. Hệ sinh thái nông nghiệp được chuyển sang hệ sinh thái chức năng khác do thay đổi bề mặt phủ. Những tác động tới hệ sinh thái không gây những tổn thất lớn ngoài một số ảnh hưởng ở mức độ không đáng kể như sau: Ảnh hưởng đến đời sống của một số các loại động vật trên cạn do mất đất xây dựng đô thị mới và cơ sở kinh tế; Ảnh hưởng đến một phần đời sống và sự tái tạo của thực vật của các khu vực xây dựng.

b. Đối với môi trường vật lý:

Môi trường vật lý bao gồm không khí, nước, đất có thể bị ô nhiễm trong quá trình xây dựng và phát triển. Tuy vậy với định hướng thu gom và xử lý sớm

các nguồn thải của xã thì khả năng ô nhiễm này chỉ có thể phát sinh chủ yếu trong thời gian xây dựng các khu vực kinh tế chuyên ngành, khu dân cư và sớm nhất đi khi các hoạt động này được hoàn thành.

c. Đối với các khu vực dân cư:

Việc tách các hoạt động sản xuất CN-TTCN thành vùng tập trung là điều kiện để bảo vệ môi trường trong các khu dân cư. Môi trường vật lý và môi trường sinh thái ở các khu vực này sẽ được nhận dạng ngay các nguồn ô nhiễm, giúp cho các chế tài bảo vệ môi trường có đủ điều kiện để có thể thực hiện được ý thức bảo vệ môi trường của các đối tượng tham gia. Vì thế mô hình tự quản môi trường sẽ được nâng lên và phát triển rộng rãi.

3. Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện, bảo vệ môi trường

3.1. Giải pháp về tổ chức quản lý

- Tiếp tục tổ chức và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp về môi trường xã
- Hoàn thiện và tăng cường kiểm soát cơ cấu tổ chức quản lý môi trường các cấp (cấp CCN, cấp cơ sở sản xuất, cấp thôn, xóm).

3.2. Giải pháp về công nghệ kỹ thuật bảo vệ môi trường

- Điều tra, đánh giá các nguồn nước bị ô nhiễm và có giải pháp xử lý thích hợp.

- Áp dụng các biện pháp xử lý cuối đường ống và công nghệ xử lý nước thải tiên tiến nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất ô nhiễm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

3.2.1. Môi trường nước

- Cấp nước: Việc sử dụng nguồn nước sạch từ Nhà máy nước sạch là giải pháp có tính đồng bộ phù hợp với điều kiện phát triển của xã, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước sạch của xã.

- Thoát nước

- + Đặc biệt chú ý bảo vệ môi trường nước các sông trên địa bàn xã. Nghiêm cấm mọi hành động xả nước bẩn ra sông.

- + Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung. Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B quy chuẩn QCVN14/2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt.

- + Tại CCN, các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - TTCN phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng, tương ứng phù hợp với quy trình sản xuất và mức độ độc hại. Nước thải sau khi được xử lý đảm bảo quy định mới được xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- + Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trên lưu vực sông, đặc biệt là tại các khu vực nhạy cảm như: sau các điểm nhập lưu, tại thượng lưu và hạ lưu, tại các điểm lấy nước...vv, để giám sát tình hình ô nhiễm môi trường trên lưu vực sông từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

3.2.2. Môi trường không khí và tiếng ồn

Hạn chế nguồn gây ô nhiễm do các hoạt động giao thông. Sử dụng xăng không pha chì cho các phương tiện giao thông, không sử dụng các phương tiện giao thông đã cũ không đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường như tiếng ồn và khói bụi, trồng cây xanh trên các tuyến đường giao thông và trồng cây xanh tập trung để giảm bụi và tiếng ồn. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát, kiểm tra, kiểm kê và quan trắc môi trường không khí.

3.2.3. Đối với chất thải rắn

Đối với rác thải sinh hoạt phân loại ngay tại nguồn phát sinh. Tiến hành phân loại thành hai loại rác là vô cơ và hữu cơ.

Đối với chất thải xây dựng: các chủ công trình phải đăng ký vận chuyển với công ty Môi trường đô thị, không đổ bừa bãi ra các khu vực xung quanh.

Đối với chất thải công nghiệp: tuân thủ theo Luật Môi trường. Chất thải độc hại phải được xử lý trước khi thải ra ngoài hoặc thu gom để xử lý riêng.

Đối với chất thải y tế: phải được phân loại trước khi hợp đồng với các đơn vị chức năng đem đi xử lý theo quy định. Không được đổ chung với rác thải sinh hoạt.

3.2.4. Đối với môi trường đất

Các rác thải sinh hoạt cần được thu gom và phân loại theo khả năng phân huỷ để có biện pháp xử lý riêng cho từng loại và sử dụng các công nghệ hiện đại để giảm mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm đất do nước bẩn bị ô nhiễm đổ ra môi trường đất.

Xử lý triệt để phân thải của gia súc, gia cầm tránh đất bị ô nhiễm bởi các vi sinh vật gây bệnh. Xử lý và không sử dụng các sản phẩm bền vững trong đất làm yếu cơ cấu lý tính của đất như: nilon và các hợp chất cao phân tử khó phân huỷ khác...vv.

3.3. Các biện pháp khác

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm, **xử lý vi phạm hành chính, khởi tố vi phạm pháp luật** về bảo vệ môi trường của người dân và người lao động trên địa bàn xã.

PHẦN VI

CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

I. Các chương trình phát triển và danh mục ưu tiên đầu tư

1. Các chương trình tổng thể đầu tư xây dựng và phát triển xã

1.1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng đồng bộ hệ thống đường bộ hiện đại theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và hệ thống đường thủy theo hướng hiện đại, văn minh.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp điện, cấp nước, thoát nước, ...) theo hướng văn minh, hiện đại.

1.2. Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội

- Đầu tư xây dựng và hiện đại hoá các cơ sở văn hoá, giáo dục, đào tạo.

- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe.

1.3. Kêu gọi và xúc tiến các dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ

- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh có công nghệ hiện đại, suất đầu tư lớn, hoặc di chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư vào CCN. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã.

- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư phát triển một số dự án trọng điểm trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Đặc biệt là các khu vực dịch vụ vui chơi giải trí mang tính cộng đồng.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng và thực hiện dự án phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt hữu cơ quy mô hộ gia đình trên địa bàn toàn xã trong chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã.

- Đầu tư hình thành các trung tâm thương mại và dịch vụ tài chính, tín dụng áp dụng các công nghệ hiện đại trong các hoạt động dịch vụ.

2. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Nâng cấp mở rộng, các tuyến huyện lộ

- Đầu tư xây dựng các trục đường tại khu trung tâm xã, nâng cấp các đường trục xã, trục thôn:

+ Các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung,)

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp, xây dựng một số đường trục xã, trục thôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn về cấp đường và liên hoàn hệ thống giao thông.

- Xây dựng hạ tầng các khu dân cư tập trung

- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc)

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm: trụ sở công an xã, sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, nghĩa trang liệt sỹ, trường học,

II. Nguồn lực thực hiện

1. Nâng cao công tác quy hoạch, quản lý đầu tư, xây dựng theo quy hoạch đã phê duyệt

Tập trung nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, nâng cao năng lực quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt, phân cấp quản lý đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực tự nhiên theo quy hoạch. Hạn chế tình trạng triển khai quy hoạch không đồng bộ, gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

2. Huy động nguồn lực kinh tế, tài chính

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế:

- Vốn ngân sách Nhà nước:
- Vốn huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư
- Các nguồn vốn hợp pháp khác

PHẦN VII

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên đây là nội dung của đồ án “Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc đến năm 2030”.

Để tạo điều kiện nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, tiến tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu nhằm đạt được mục tiêu phát triển mọi mặt về kinh tế - xã hội, xin được kiến nghị những vấn đề sau:

1. Kính đề nghị UBND huyện Xuân Trường sớm phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc đến năm 2030 để làm cơ sở cho bước tiếp theo.
2. Tổ chức cắm mốc chỉ giới đường đỏ ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt.
3. Các cấp, các ngành tạo mọi điều kiện để xã được tiếp cận với các đối tác đầu tư, tạo được nhiều nguồn vốn, vận dụng cơ chế mở trên cơ sở vận dụng linh hoạt chính sách nhà nước tại địa phương.
4. Để thực hiện xây dựng đảm bảo kế hoạch dự kiến, đề nghị UBND Tỉnh và UBND huyện hỗ trợ kinh phí để chuẩn bị đầu tư các dự án ưu tiên.

Kính mong sự quan tâm, giúp đỡ của UBND Tỉnh Nam Định, UBND huyện Xuân Trường và các ban ngành chức năng.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. Sự cần thiết phải lập Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Bắc và các cơ sở pháp lý	1
1. Lý do và sự cần thiết phải lập Quy hoạch.....	1
2. Các cơ sở pháp lý	2
II. Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch.....	3
1. Mục tiêu:	3
2. Nhiệm vụ Quy hoạch:	4
III. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch	4
1. Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch:	4
2. Quy mô lập quy hoạch:.....	4
PHẦN I	5
TỔNG QUAN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ XUÂN BẮC	5
I. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên.....	5
1. Điều kiện tự nhiên	5
1.1. Địa hình:	5
1.2. Khí hậu:.....	5
1.3. Địa chất thủy văn:	5
2. Tài nguyên	6
2.1. Tài nguyên đất.....	6
2.2. Tài nguyên nước	6
3. Hiện trạng kinh tế - xã hội.....	6
3.1. Hiện trạng dân số, lao động	6
3.2. Hiện trạng phát triển kinh tế.....	6
4. Hiện trạng sử dụng đất.....	7
5. Hiện trạng hạ tầng xã hội.....	8
5.1. Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã.....	8
5.2. Hợp tác xã	8
5.3. Bưu điện	8
5.4. Nhà văn hóa	8
5.5. Công trình thể thao	9
5.6. Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo.....	9
5.7. Trạm y tế.....	9
5.8. Chợ xã.....	10
5.9. Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng	10
5.10. Hiện trạng không gian kiến trúc và hạ tầng cơ sở	10
5.11. Nghĩa trang liệt sỹ.....	10
5.12. Các công trình công cộng khác	10
6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	11
6.1. Giao thông.....	11
6.2. Cấp nước	12
6.3. Cấp điện.....	12
6.4. Thoát nước và vệ sinh môi trường	12
6.5. Hệ thống thủy lợi	13
7. Đánh giá tổng hợp hiện trạng:	13
II. Đánh giá công tác thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch	13
1. Các đồ án, dự án cấp trên có liên quan đã được phê duyệt:	13
2. Các quy hoạch trên địa bàn xã.....	14

3. Các dự án đã và đang triển khai.....	14
4. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch, dự án	14
PHẦN III	15
TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ.....	15
I. Các tiềm năng, động lực phát triển xã.....	15
II. Tính chất, chức năng và sơ bộ dự báo phát triển.....	15
1. Tính chất, chức năng khu vực.....	15
2. Dự báo dân số	15
3. Các dự báo phát triển	15
3.1. Dự báo và nhận định về phát triển kinh tế	15
3.2. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đai:.....	16
III. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính của đồ án.....	16
1. Tiêu chí diện tích một số công trình hạ tầng xã hội	16
2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật	17
PHẦN IV	18
NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH.....	18
I. Định hướng Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.....	18
1. Định hướng xây dựng khu trung tâm xã.....	18
2. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục	18
2.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND	18
2.2. Hợp tác xã	18
2.3. Bru điện	18
2.4. Nhà văn hoá	18
2.5. Khu công viên cây xanh, TDTT.....	19
2.6. Các công trình giáo dục:.....	20
2.7. Trụ sở công an xã:	20
2.8. Chợ xã:	20
2.9. Trạm y tế:.....	20
2.10. Các công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng:.....	20
2.11. Nghĩa trang liệt sỹ.....	20
3. Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn.....	20
4. Định hướng quy hoạch khu dịch vụ thương mại.....	20
5. Định hướng phát triển cụm công nghiệp, khu vực sản xuất công nghiệp.....	21
6. Đất dự trữ phát triển	21
7. Định hướng không gian kiến trúc, cảnh quan, thiết kế xây dựng	22
II. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	23
1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông.....	23
1.1. Giao thông đối ngoại:	23
1.3. Hệ thống cầu:.....	24
2. Định hướng cấp nước.....	24
2.1. Nguồn cấp nước	25
2.2. Tính toán công suất.	25
2.3. Mạng đường ống	25
3. Hệ thống cấp điện.....	25
3.1. Nguồn cấp điện	25
3.2. Tính toán lưới điện	25
3.3. Quy hoạch lưới điện	26
4. Hệ thống thủy lợi.....	26
5. Hệ thống thoát nước	26

6. Vệ sinh môi trường	27
6.1. Xử lý CTR.....	27
6.2. Nghĩa trang.....	27
III. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp.....	28
PHẦN V.....	29
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	29
I. Căn cứ pháp lý và mục tiêu đánh giá môi trường chiến lược.....	29
1. Các căn cứ pháp lý	29
2. Mục tiêu và nội dung	29
2.1. Mục tiêu.....	29
2.2. Nội dung	29
II. Đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn xã Xuân Bắc.....	29
1. Hiện trạng môi trường đất, hệ sinh thái	29
2. Hiện trạng môi trường nước	29
3. Hiện trạng môi trường không khí.....	30
4. Hệ sinh thái.....	30
5. Hiện trạng quản lý chất thải rắn	30
6. Chất thải lỏng	30
III. Đánh giá tác động, giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường	31
1. Các tác động tích cực	31
2. Các tác động tiêu cực	31
2.1. Đánh giá tác động xảy ra do quá trình quản lý, quy hoạch	31
2.2. Đánh giá tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án	31
2.3. Đánh giá tác động xảy ra trong quá trình xây dựng	32
2.4. Đánh giá tác động xảy ra khi đi vào khai thác sử dụng hoàn chỉnh	32
3. Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện, bảo vệ môi trường	33
3.1. Giải pháp về tổ chức quản lý	33
3.2. Giải pháp về công nghệ kỹ thuật bảo vệ môi trường	33
3.3. Các biện pháp khác	34
PHẦN VI	35
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	35
I. Các chương trình phát triển và danh mục ưu tiên đầu tư.....	35
1. Các chương trình tổng thể đầu tư xây dựng và phát triển xã.....	35
1.1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	35
1.2. Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội	35
1.3. Kêu gọi và xúc tiến các dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ	35
2. Các dự án ưu tiên đầu tư.....	35
II. Nguồn lực thực hiện.....	36
1. Nâng cao công tác quy hoạch, quản lý đầu tư, xây dựng theo quy hoạch đã phê duyệt.....	36
2. Huy động nguồn lực kinh tế, tài chính	36
PHẦN VII.....	37
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	37